

Bản án số: 52/2018/HSST
Ngày: 14/08/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI- T PHỐ HÀ NỘI

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Khương.
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị H và ông Tạ Quang Sơn.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên TAND huyện Quốc Oai.

- Đại diện VKSND huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 08 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 50/2018/HSST, ngày 17 tháng 07 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/- Họ và tên: Nguyễn Văn T (Tên khác: Không) - Sinh năm: 1986; Đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn An Bộ, xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Thư (đã chết); Con bà: Dương Thị Mẫn; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ 2. Có vợ là: Nguyễn Thị Thùy, sinh năm 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; TATS (Theo danh chỉ bản số: 156, lập ngày 15/05/2018 tại Công an huyện Quốc Oai – Hà Nội): Không; Tạm giam: 14/05/2018 - Hiện bị cáo đang bị tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

2/- Họ và tên: Nguyễn Văn TH (Tên khác: Không) - Sinh năm: 1992; Đăng ký HKTT: Thôn An Bộ, xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Nơi ở: Phường Bình Chiếu, quận Thủ Đức, T phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Thư; Con bà: Nguyễn Thị Say; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ 2. Vợ con: Chưa có; TATS (Theo danh chỉ bản số: 162, lập ngày 24/05/2018 tại Công an huyện Quốc Oai – Hà Nội): Không; Tạm giam: 22/05/2018 - Hiện bị cáo đang bị tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: 1/-Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1974 (Chị H là vợ của anh Nguyễn Văn Đ và là đại diện theo ủy quyền của anh Đ); Nghề nghiệp: Giáo viên Trường tiểu học Tam Hiệp; Trú tại: Cụm 1, xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, T phố Hà Nội (-Có mặt-).

2/-Anh Nguyễn Văn Đ – Sinh năm: 1974 (Anh Đ là chồng của chị H và đã Ủy quyền toàn bộ cho chị H); Trú tại: Cụm 1, xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, T phố Hà Nội (-Vắng mặt-).

Người làm chứng: 1/-Anh Nguyễn Đình TN – Sinh năm: 1991; Đăng ký HKTT: Thôn Đại Nỗ 1, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, T phố Hải Phòng; Chỗ ở: Số 6A, đường Xuyên Á, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương(-Vắng mặt-).
2/- Bà Đào Thị L – Sinh năm: 1961; Trú tại: Thôn Đa Phúc, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, T phố Hà Nội(-Vắng mặt-).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2018, Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 ở thôn An Bộ, xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương làm quen với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 ở xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội qua mạng xã hội Facebook. T giới thiệu với H là tên Nam ở Hoàng Bồ - Hạ Long – Quảng Ninh. Sau đó tháng 03/2018, T và H có hẹn gặp nhau và cùng nhau đi chơi tại khu vực chùa Thầy – xã Sài Sơn. Sau đó cả hai tiếp tục điện thoại và nhắn tin cho nhau rồi hẹn 30/4/2018 thì tiếp tục gặp nhau để đi chơi. Do có ý định vào TP Hồ Chí Minh để làm ăn với Nguyễn Văn TH, sinh năm 1992 là chú ruột của T và được Nguyễn Văn TH đồng ý và bảo T cần có chiếc xe máy làm phương tiện đi lại làm việc cùng TH. Do vậy, T suy nghĩ và nghĩ đến việc sẽ chiếm đoạt chiếc xe máy của H. T đã gọi điện cho TH và bàn bạc nhờ TH giúp đỡ để lấy chiếc xe máy của chị H. TH đồng ý, nên ngày 27/4/2018, TH nhận lời ra Hà Nội để giúp T chiếm đoạt xe và đưa T cùng xe máy sau khi chiếm đoạt được vào TP. Hồ Chí Minh. Buổi tối cùng ngày, TH đi xe khách về Hà Nội rồi về nhà ở Hải Dương chờ T gọi. Đến tối ngày 29/4/2018, chị H nhắn tin rủ T ngày 30/4/2018 lên chùa Thầy chơi và T đồng ý. Khoảng 5 giờ ngày 30/4/2018, T gọi điện thoại bảo TH lên Hà Nội và thuê nhà nghỉ gần bên xe Mỹ Đình để cả hai cùng nghỉ. Tại nhà nghỉ, T bàn bạc với TH là chờ T tại nhà nghỉ còn T về Huyện Quốc Oai đi chơi với chị H để tìm cơ hội chiếm đoạt xe máy, khi nào T chiếm đoạt được xe sẽ thông báo để TH đến bến xe Nước Ngầm gặp T tại đó rồi cả hai cùng đi vào TP. Hồ Chí Minh. TH nói với T là nếu lấy được xe mà không có giấy tờ thì TH sẽ tìm chỗ làm giấy tờ giả tại TP. Hồ Chí Minh. Bàn bạc xong, T đi xe buýt về cầu vượt Hoàng Xá đợi chị H đến đón. Sáng 30/4/2018 T và chị H gặp nhau ở cầu vượt Sài Sơn. Chị H đưa chìa khóa xe máy của mình có nhãn hiệu Honda Airblade BKS 29V3-144.56 đăng ký tên chồng chị H là Nguyễn Văn Đ cho T lái xe và cùng nhau đi chơi tại chùa Thầy. T và H cùng vào gửi xe máy của chị H ở tại nhà bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đa Phúc, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội ở gần cổng chùa Thầy. Sau khi gửi xe thì T cầm chìa khóa xe, vé xe của H nhằm mục đích có cơ hội sẽ chiếm đoạt chiếc xe. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, TH gọi điện thoại cho T hỏi lấy được xe chưa, T trả lời: “đang đi chùa nhưng do đi cùng nhau nên chưa có cơ hội lấy xe máy”, TH nói: “Sao không rủ vào nhà nghỉ đợi H tắm rồi lấy cho dễ”

thì T bảo “mới quen chưa đi được, đang tìm cơ hội lấy xe”. Khi xuống núi chùa Thầy cả hai ngồi uống nước thì T rủ H vào gọi đầu để tạo cơ hội lấy được chiếc xe máy của chị H. Nên cả hai đã vào quán gọi đầu TN Lê của chị Nguyễn Thị Lê làm chủ để gọi đầu. T gọi đầu trước và chị H gọi đầu sau. Khi chị H đang gọi đầu thì T bảo ra ngoài ngồi đợi, rồi đi ra quán nước bên ngoài ngồi thì TH lại tiếp tục điện thoại và hỏi lấy được xe chưa. Thì T bảo bạn đang gọi đầu và chuẩn bị lấy xe rồi bảo TH ra bên xe nước ngầm chờ sẵn. Sau đó, T đi đến nhà bà L lấy xe máy của chị H rồi đi ra bên xe nước Ngầm – Hà Nội đón TH. Sau đó, cả hai đi xe máy của chị H vào Hà Tĩnh. Khi dừng xe ở Hà Tĩnh, lúc này T kiểm tra trong cốp xe của chị H thấy có một số váy áo chống nắng của phụ nữ và một số giấy tờ phô tô, thì TH vứt bỏ số váy áo chống nắng xuống vệ đường, còn T đốt bỏ một số giấy tờ và giữ lại 01 giấy phô tô hợp đồng thuê đất giữa vợ chồng chị H và bà Nguyễn Thị Bình. Sau đó T và TH bắt xe ô tô khách vận chuyển xe máy vào TP Hồ Chí Minh và thuê nhà nghỉ. Khoảng hơn 12giờ ngày 2/5/2018, TH bảo T cho số điện thoại của chị H rồi TH dùng số 0928721591 nhắn tin tới số 0946151162 yêu cầu chị H chuyển 15.000.000đồng sẽ cho chuộc xe bị mất, nhưng chị H không đồng ý. Ngày 4/5/2018, khi TH và T đang uống cafe thì TH nói đi xe về nhà lấy sạc rồi đem xe máy nhờ bạn là Nguyễn Đình TN, sinh năm 1991; Nơi ở: Số 6A - Đường Xuyên Á - Thị Xã Dĩ An - Tỉnh Bình Dương cầm cố hộ được 8.000.000đồng. Khi cầm cố TH không nói với TN việc chiếc xe do chiếm đoạt của người khác mà có, mà nói là của người cháu đang cần tiền, TH không rõ TN cầm cố ở đâu, cho ai. Cơ quan điều tra đã làm việc với Nguyễn Văn TN nhưng TN không thừa nhận đã giúp TH cầm cố xe máy nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, truy tìm được chiếc xe của chị H. Sau khi cầm cố xe máy của chị H, TH báo cho T biết là cầm cố xe được 10.000.000đồng và đã tiêu sài cá nhân hết. T đã bắt xe về quê, đến ngày 14/5/2018, Nguyễn Văn T đã đến Công an xã Hiệp Hòa đầu thú, Công an xã Hiệp Hòa đã báo cho Công an huyện Quốc Oai đến đưa T về Quốc Oai đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân. Ngày 23/5/2018, cơ quan CSĐT Công an huyện Quốc Oai đã bắt được Nguyễn Văn TH tại Quận Gò Vấp, T phố Hồ Chí Minh. Vật chứng vụ án thu giữ gồm: 01 điện thoại của T, nhãn hiệu Sony F8332 màu đen chứa sim số 0981801470, và sim số 01277813531. 01 điện thoại di động của TH, nhãn hiệu Masstel A130 màu đỏ chứa sim số 01662701446. 01 điện thoại di động của TH, nhãn hiệu FPT BUK 17 màu đen chứa sim số 0928721591, một sim không hoạt động. Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐ ĐGTS ngày 26/5/2018 của Hội đồng định giá trong TTHS huyện Quốc Oai kết luận: Giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 29V3-144.56 có giá trị là **26.500.000 đồng**(BL 150).

Quá trình điều tra vụ án các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 13/07/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai đã truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 - Điều 174 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quốc Oai luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 - Điều 174 của Bộ luật hình sự, như nội dung bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 13/07/2018 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 - Điều 174; Các điểm: i, s khoản 1 điều 51; điều 38 của Bộ luật hình sự; tuyên bố: Các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo T và TH mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Không; về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc 2 bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại 26.500.000Đ Về xử lý vật chứng, đề nghị: Tịch thu sung công các thoại của các bị cáo đã bị thu giữ.

Trong quá trình truy tố và tại phiên tòa, kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quốc Oai, điều tra viên, VKSND huyện Quốc Oai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật TTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, do đó Hội đồng có đủ căn cứ để khẳng định:

Ngày 30/04/2018 tại huyện Quốc Oai, các bị cáo T và TH đều đã T niên, đã có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi cùng dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 26.500.000Đ. Vụ việc này bị phát hiện bắt giữ, thu hồi tang vật là ngoài ý muốn của các bị cáo.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, một khách thể được nhà nước bảo vệ

Từ sự phân tích trên, thấy đã có đủ căn cứ để khẳng định các bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 - Điều 174 của Bộ luật hình sự, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai đã truy tố và

kết luận đối với các bị cáo. Điều luật quy định: “Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Đây là trường hợp đồng phạm giản đơn.

Xét hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã tác động tiêu cực đến xã hội, gây nhức nhối trong dư luận nhân dân. Nên thấy cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của địa phương và giáo dục riêng đối với từng bị cáo. Ngoài ra:

Xét về nhân thân, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn T, thấy rằng: Bị cáo là người khởi sự việc phạm tội và là người thực hành tích cực. Nhưng cũng xét: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự. Từ sự phân tích trên, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam, , với mức án cao hơn mức án mà vị đại diện VKSND huyện Quốc Oai đã đề nghị, mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Xét về nhân thân, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn TH, thấy rằng: Bị cáo là người thực hành tích cực, hưởng lợi toàn bộ đối với tài sản chiếm đoạt được. Nhưng cũng xét: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự. Từ sự phân tích trên, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam, , với mức án thấp hơn mức án áp dụng đối với bị cáo T, nhưng vẫn phải cao hơn mức án mà vị đại diện VKSND huyện Quốc Oai đã đề nghị đối với bị cáo TH, mới đủ để giáo dục bị cáo TH trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người lao động tự do, thu nhập thấp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về dân sự: Người bị hại (là anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị H) yêu cầu 2 bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn TH phải bồi thường chiếc xe máy cho họ với số tiền 26.500.000 đồng. Hai bị cáo cũng tự nguyện chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường của bị hại, nhưng chưa có tiền để bồi thường. Xét tích chất mức độ vi phạm và việc hưởng lợi bất chính của từng bị cáo, thấy cần: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại 8.500.000Đ, buộc bị cáo TH phải bồi thường cho bị hại 18.000.000Đ. Vì: Chị H là vợ của anh và là đại diện toàn quyền theo ủy quyền của anh Đ), nên thấy cần: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 8.500.000Đ, buộc bị cáo TH phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 18.000.000Đ.

Về vật chứng: Các bị cáo đã sử dụng những chiếc điện thoại bị thu giữ để thực hiện tội phạm, vì vậy, thấy cần: Tịch thu sung công toàn bộ các điện thoại đã bị thu giữ đó.

Về án phí : Các bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn TH phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ".

□p dụng: Khoản 1 - Điều 174 ; Các điểm: i, s (02 tình tiết: khai báo T khẩn, ăn năn hối cải) khoản 1 điều 51; điều 38 của Bộ luật hình sự; **Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T: 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội** Lừa đảo chiếm đoạt tài sản , hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/05/2018.

□p dụng: Khoản 1 - Điều 174 ; Các điểm: i, s (02 tình tiết: khai báo T khẩn, ăn năn hối cải) khoản 1 điều 51; điều 38 của Bộ luật hình sự; **Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn TH: 18 (Mười tám) tháng tù về tội** Lừa đảo chiếm đoạt tài sản , hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/05/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về dân sự: Áp dụng: Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự : Buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 8.500.000Đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) , buộc bị cáo TH phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 18.000.000Đ (Mười tám triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 48 của Bộ luật hình sự; điều 30; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công: 01 điện thoại của T, nhãn hiệu Sony F8332 màu đen chứa sim số 0981801470, và sim số 01277813531. 01 điện thoại di động của TH, nhãn hiệu Masstel A130 màu đỏ chứa sim số 01662701446. 01 điện thoại di động của TH, nhãn hiệu FPT BUK 17 màu đen chứa sim số 0928721591, một sim không hoạt động (Đều đang lưu giữ tại Chi cục THADS huyện Quốc Oai theo Quyết định chuyển vật chứng số: 36/QĐ-VKSQO, ngày 13/07/2018 của VKSND huyện Quốc Oai).

Về án phí HSST: Áp dụng điều 135; điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH : Mỗi bị cáo (Trong số 2 bị cáo: T và TH) phải nộp 200.000Đ án phí sơ thẩm hình sự.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 135; điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH : Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 425.000Đ. Bị cáo Nguyễn Văn TH phải nộp 900.000Đ.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người bị hại, đại diện theo ủy quyền của người bị hại có mặt, đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/08/2018). Người bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án này được tổng đạt cho họ, hoặc được niêm yết tại trụ sở UBND xã (Phương, thị trấn...), nơi họ cư trú.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Phòng GĐKT- TAND TP. Hà Nội.
- VKSND huyện Quốc Oai.
- VKSND T phố Hà Nội.
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai.
- Công an huyện Quốc Oai.
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát – Công an Hà Nội.
- Sở tư pháp Hà Nội.
- UBND xã Hiệp Hòa, Kinh Môn, Hà Dương.
- Trại tạm giam số 2, Công an Hà Nội.
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Khương